

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2024/HC-ST

Ngày: 15-8-2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Nhật

Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 59/2024/TLST-HC Ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2024/QĐXXST-HC ngày 08 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960; địa chỉ: khu V, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành P - Chủ tịch Ủy ban.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Phương B - Phó Phòng T1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Minh Á, sinh năm 1980; địa chỉ: số C, Lô A C/c H, Phường P, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M, bà Á: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1984; địa chỉ: khu phố R, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà L, ông B có mặt, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa của người khởi kiện có nội dung như sau:

Bà Nguyễn Thị M yêu cầu Tòa án tỉnh Long An hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10-2-1;

thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và các thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 05/01/2000.

Lý do yêu cầu: Bà Nguyễn Thị M có chồng là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 đã chết vào ngày 06/01/1999 (Theo Trích lục khai tử số 169/TLKT-BS do UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/04/2019). Đến ngày 05/01/2000 ông T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658 với tổng diện tích là 2.920,3m². Trong đó, có thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10-2-1; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và các thửa đất số 30, 126 tờ bản đồ số 5-4-3 cùng tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.

Ngày 08/07/2004 Ủy ban nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định số 2357/2004/QĐ-UB về việc thu hồi quyền sử dụng đất của bà M tại các thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10-2-1; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và các thửa đất số 30, 126 tờ bản đồ số 5-4-3 cùng tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An để xây dựng cụm dân cư vượt lũ thị trấn H. Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 2, 25, 30 và thửa đất số 126 nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nguyễn Văn T vẫn đứng tên các thửa đất số 02, 25, 30 và thửa đất số 126.

Bà M đã kiến nghị nhiều cơ quan và yêu cầu xem xét thu hồi, chỉnh lý các thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10-2-1; thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và các thửa đất số 30, 126 tờ bản đồ số 5-4-3 cùng tọa lạc tại thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An đúng hiện trạng, diện tích bà M đang quản lý, sử dụng, nhưng các cơ quan có thẩm quyền chưa giải quyết được yêu cầu nêu trên của bà M, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà M nên bà M đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông T.

Tại Văn bản số 6306/UBND-TA ngày 24/4/2024 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày có nội dung:

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T ngày 05/01/2000, tại thửa đất số 2; tờ bản đồ số 10-2-1; thửa 25 và thửa đất số 30, 126; tờ bản đồ số 5-4-3, đất tọa lạc thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An hiện không tìm thấy trong kho lưu trữ của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện Đ. Do đó, Phòng T1 không có cơ sở để báo cáo Ủy ban nhân dân huyện cung cấp thông tin theo yêu cầu của Tòa án.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính.

Về nội dung: Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa cho thấy: Ngày 05/01/2000 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658, đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10-2-1, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3 cho ông Nguyễn Văn T nhưng ông T đã chết vào ngày 06/01/1999 (Theo Trích lục

khai tử số 169/TLKT-BS do UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/04/2019). Do đó Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng đối tượng sử dụng đất. Hiện nay các thửa đất số 25, 30, 126 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi làm khu dân cư thị trấn H nhưng tại Quyết định thu hồi đất số 2357 ngày 8/7/2004 Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M đối với thửa đất số 25, 30, 126 là không đúng đối tượng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn T vẫn đúng tên đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10-2-1, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T (người chết) là không đúng và ra Quyết định thu hồi đất của bà M cũng không đúng. Bà M khởi kiện đề nghị hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658, đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10-2-1, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 05/01/2000 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658, đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10-2-1, thửa đất số 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn T ngày 05/01/2000. Đây là khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng Hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/9/2023 Ủy ban nhân dân huyện Đ có Văn bản hướng dẫn bà Nguyễn Thị M làm thủ tục khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Tòa án. Nên ngày 26/01/2024, bà M nộp đơn khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Long An là còn trong thời hiệu, nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng Hành chính.

[3] Về việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại: Tòa án đã có thông báo cho các đương sự nhưng người bị kiện vắng mặt, người khởi kiện có đơn yêu cầu không đối thoại nên Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành đối thoại được theo quy định của Điều 135, 137 Luật Tố tụng Hành chính.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 158 Luật Tố tụng Hành chính Tòa án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp.

[5] Về hình thức và thẩm quyền ban hành quyết định:

Ngày 05/01/2000 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 219658, đối với thửa đất số 2, tờ bản đồ số 10-2-1, thửa đất 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3 cho ông Nguyễn Văn T là đúng thẩm quyền theo qui định của Luật Đất đai 1993.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, Ủy ban nhân dân huyện K1 thực hiện kiểm tra, xác minh nguồn gốc, quá trình, hiện trạng, đối tượng sử dụng đất là có sai sót.

[6] Về nội dung của quyết định hành chính: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 đã chết ngày 06/01/1999 (Theo Trích lục khai tử số 169/TLKT-BS do UBND thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An cấp ngày 19/04/2019). Đến ngày 05/01/2000 Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là không đúng đối tượng sử dụng đất (ông T đã chết). Hiện nay các thửa đất số 02, 25, 30 và thửa đất số 126 Ủy ban nhân dân huyện Đ đã thu hồi làm khu dân cư thị trấn H. Thực tế, các thửa đất nêu trên không còn. Ủy ban nhân dân huyện Đ thu hồi các thửa đất trên, nhưng Quyết định thu hồi đất số 2357/2004/QĐ-UB ngày 8/7/2004 lại thu hồi quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị M. Trong đó, không có thửa đất số 02 là cũng sai. Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp số Q 219658 ngày 05/01/2000 hiện nay vẫn chưa bị thu hồi. Ủy ban nhân dân huyện khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T là người đã chết là sai đối tượng sử dụng đất. Đồng thời, Ủy ban nhân dân huyện R Quyết định thu hồi đất của bà M cũng sai. Nội dung này được chứng minh qua lời khai bà M, biên bản thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân tỉnh Long An ngày 02/08/2024, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T được cấp, Quyết định thu hồi đất số 2537/2004/QĐ-UB ngày 8/7/2004; Tờ trình về thu hồi đất của Ủy ban nhân dân thị trấn H số 303/TTr-UBND ngày 28/11/2022.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M là có căn cứ nên được chấp nhận như đề nghị của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tại phiên tòa.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí:

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M đã nộp và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này nên ghi nhận là phù hợp theo khoản 1 Điều 357, 358 Luật Tố tụng Hành chính.

Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của Điều 348 Luật Tố tụng Hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 348, Điều 357, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q.

Căn cứ Điều 2, Điều 20, Điều 73 Luật Đất đai năm 1993;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q219658 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn T vào ngày 05/01/2000 đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 10-2-1; thửa đất 25, tờ bản đồ số 5-3-4 và thửa đất số 30, 126 cùng tờ bản đồ số 5-4-3.

2. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Minh c 3.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, bà M đã nộp xong.

3. Về án phí: Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Minh Trí

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

Lương Minh Trí

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Minh Trí